

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY BẮC  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/7/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đỗ Thị Thúy Diễm

2. Ông Nguyễn Phước Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 129/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh B.

**Bị đơn:** Anh Phan Văn T, sinh năm 1977 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh B.

**Những người tham gia tố tụng khác:** Ông Lê Minh C – Văn Phòng luật sư Lê C thuộc Đoàn luật sư tỉnh V tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị H. Ông C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 14/6/2022.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2022 và các lời trình khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Phan Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện M (Nay là huyện M), tỉnh B vào năm 2006. Sau khi kết hôn, chị và anh T sống bên gia đình anh T tại ấp T, xã K. Vợ chồng sống hạnh phúc được

khoảng 16 năm, đến tháng 11/2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T thay đổi tính nết, thường xuyên nhậu về đến nhà là nổi nóng vô cớ, ghen tuông, cư xử cộc cằn thô lỗ không còn tin tưởng chị nữa, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Nhận thấy hành vi của anh T có thể gây nguy hiểm cho bản thân chị, làm mất uy tín, danh dự của chị nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay, hiện không còn khả năng đoàn tụ. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn T. Về con chung: vợ chồng có một con chung tên Phan Minh T, sinh ngày 05/02/2006, hiện T đang sống chung với chị H, sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Lê Thị H trình bày tài sản chung, nợ chung không có. Vì bận đi làm nên chị xin vắng mặt trong những lần Tòa án mời.

*Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 09/5/2022 bị đơn anh Phan Văn T trình bày:* Anh và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào năm 2006. Thời gian đầu sau khi kết hôn anh chị sống rất hạnh phúc, đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H có quan hệ tình cảm nam nữ bất chính với người đàn ông khác, nhiều lần anh bắt gặp chị H nhắn tin, gọi điện cho người này. Khoảng tháng 12/2021 âm lịch H dẫn con đi, anh không biết đi đâu, anh điện thoại nhiều lần nhưng chị H không nghe điện thoại của anh. Mặc dù còn rất thương vợ con nhưng nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung: anh và chị H có một con chung tên Phan Minh T, sinh ngày 05/02/2006, hiện T sống với chị H. Anh rất thương con và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con nhưng nếu T có nguyện vọng sống với chị H thì anh cũng đồng ý để chị H nuôi con. Sau này Tú có về thì anh vẫn thương yêu chăm sóc con như ngày trước, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản khi ly hôn: Anh Phan Văn T trình bày tài sản chung, nợ chung không có. Vì không thể đoàn tụ được nên anh xin vắng mặt trong những lần Tòa án mời.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại văn bản phát biểu ý kiến luật sư Lê Minh C tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ông Chánh phát biểu như sau: về hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Phan Văn T. Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Phan Minh T, sinh ngày 05/02/2006 cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh Phan Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: chị H và anh T không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

*Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:*

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật từ khi thụ lý đến xét xử; nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn của chị Lê Thị H và anh Phan Văn T; Về con chung: Chị Lê Thị H được trực tiếp nuôi con chung tên Phan Minh T, sinh ngày 05/02/2006, anh Phan Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu; Về chia tài sản khi ly hôn: Chị H và anh T trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn Phan Văn T có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống, có mặt tại xã K, huyện M nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H đối với anh Phan Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị H cho rằng do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, khi về đến nhà là nổi nóng vô cớ, ghen tuông, cư xử cộc cằn thô lỗ không còn tin tưởng chị nữa, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Nhận thấy hành vi của anh T có thể gây nguy hiểm cho bản thân chị, làm mất danh dự, uy tín của chị nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn T không còn khả năng đoàn tụ. Về phía anh T thì lại cho rằng do chị H có quan hệ tình cảm nam nữ bất chính với người đàn ông khác, nhiều lần anh bắt gặp chị H nhắn tin, gọi điện cho người này. Khoảng tháng 12/2021 âm lịch H dẫn con đi, anh không biết đi đâu, anh điện thoại nhiều lần nhưng chị Hiếu không nghe điện thoại của anh. Mặc dù còn rất thương vợ con nhưng nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh đồng ý. Như vậy, xuất phát những nghi ngờ về tình cảm giữa vợ chồng dành cho nhau mà anh chị không còn tin tưởng yêu thương nhau nữa, không còn mong muốn hàn gắn được tình cảm vợ chồng, nay chị H xin ly hôn anh T đồng ý, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị là có căn cứ.

Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung tên Phan Minh T, sinh ngày 05/02/2006, từ lúc anh chị sống ly thân (năm 2021) đến nay chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, phía anh T cũng đồng ý để chị H tiếp tục

nuôi dưỡng cháu T. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn của anh chị là phù hợp pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu T, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Lê Thị H phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Xét quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư tham gia bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là phù hợp nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] *Về hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Phan Văn T.

[2] *Về con chung*: Chị Lê Thị H trực tiếp nuôi con chung tên Phan Minh T, sinh ngày 05/02/2006, hiện cháu T đang sống chung với chị H, anh Phan Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] *Về chia tài sản khi ly hôn*: Chị Lê Thị H và anh Phan Văn T trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

[4] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005096

ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi Cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã K, đăng ký kết hôn số 45, ngày 09/6/2006 (01b);
- Lưu:Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoài Nhớ**